

THƯ MỜI BÁO GIÁ CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN

Kính gửi: Quý Công ty

Trung Tâm Điều Hành Satrafoods có nhu cầu thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026 như sau:

Tên dịch vụ: Xem phụ lục đính kèm

Chủ đầu tư: **TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH SATRAFOODS**

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh rút gọn

Phương thức lựa chọn nhà thầu: 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ

Phí mua Yêu cầu báo giá: **100.000 đồng**

Phát hành Yêu cầu báo giá: từ 09 giờ, ngày 29/06/2026.... đến 10 giờ, ngày 10/7/2026.....

Tại: Văn phòng (Quầy lễ tân), 455 Võ Văn Tần, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh

Hạn chót nhà thầu nộp Hồ sơ Báo giá: 10 giờ, ngày 10/7/2026.....

Thời gian mở Hồ sơ báo giá: 10h15 giờ, ngày 10/7/2026.....

Mọi chi tiết về thông tin chào hàng cạnh tranh rút gọn dịch vụ trên vui lòng liên hệ: Ms Sa

- P. HCNS – 0908 939 958

Trân trọng./.



VƯƠNG THỦY TIÊN

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Yêu cầu Báo giá
Gói thầu Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng
Satrafoods năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH SATRAFOODS

Căn cứ Quyết định số 019/QĐ-HĐTVTCT ngày 14/01/2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc phê duyệt ban hành Quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTĐHSTF ngày 02/06/2026 của Giám đốc Trung tâm Điều hành Satrafoods về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-TTĐHSTF ngày 12/06/2026 của Giám đốc Trung tâm Điều hành Satrafoods về việc thành lập Tổ mua sắm gói thầu Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 17/BCTĐ-TTĐHSTF ngày 24/06/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định Yêu cầu Báo giá gói thầu Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026;

Theo đề nghị của Bên mời thầu tại Tờ trình số 104/TTr-HCNS ngày 15/06/2026 về việc phê duyệt Yêu cầu Báo giá gói thầu Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Yêu cầu Báo giá gói thầu Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026 như hồ sơ đính kèm.

Điều 2. Bên mời thầu, đơn vị mua sắm, các Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.



VƯƠNG THỦY TIÊN

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu : **Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026**

Gói thầu số: **GT01-HCNS/2026**

Dự toán: **Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026**

Phát hành ngày:

Ban hành kèm theo

Quyết định số:

Bên mời thầu
Phòng Hành chính Nhân sự ✓



Trần Thị Hồng Chi

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: **TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH SATRAFOODS**

2. Tên bên mời thầu là: **PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ- TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH SATRAFOODS**

3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào

không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu 03a(1) và Mẫu 03a(2)) Chương III
3. Các nội dung cần thiết khác:
 - Giấy phép đăng ký doanh nghiệp;
 - Đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tại Mục 3 Chương II.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Trung tâm Điều hành Satrafoods số 455 Võ Văn Tần, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh; Liên hệ: Ms Sa 0908.939.958, **không muộn hơn 10... giờ, ngày 10... tháng 7... năm 2026**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá bằng thư điện tử.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, thư điện tử và được đăng tải trên website của Satra (Tổng Công Ty TM Sài Gòn-TNHH Một Thành Viên) <http://www.satra.com.vn>.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: **5% giá trị hợp đồng bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.**

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

I. Mục tiêu công việc

- Diệt chuột và côn trùng tại hệ thống Cửa hàng và Kho Satrafoods
- Địa điểm thực hiện: 145 Cửa hàng Satrafoods và 01 Kho

II. Yêu cầu gói thầu

1. Danh mục diệt côn trùng

- Nhà thầu cung cấp dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống Cửa hàng và Kho Satrafoods. Danh mục diệt côn trùng cụ thể như sau:

Stt	Mô tả dịch vụ	ĐVT	Khối lượng mời thầu	Thời gian thực hiện
1	Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026	Địa điểm	146 (Bao gồm 145 cửa hàng và 01 kho)	12 tháng

2. Địa điểm thực hiện: 145 cửa hàng và 01 Kho theo danh sách như sau:

STT	CỬA HÀNG	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG	ĐỊA CHỈ
1	HÙNG VƯƠNG	744 m ²	347-349-351-353 Hùng Vương, Phường An Đông, Tp.HCM
2	PHẠM VĂN HAI	537 m ²	187 Phạm Văn Hai, Phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
3	QUANG TRUNG	234 m ²	393 Quang Trung, Phường Gò Vấp, Tp.HCM
4	LẠC LONG QUÂN	231,2 m ²	224 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Tp.HCM
5	KHA VẠN CÂN	250 m ²	1182 Kha Vạn Cân, Phường Thủ Đức, Tp.HCM
6	NƠ TRANG LONG	170,7 m ²	167A Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Tp.HCM
7	LÊ TRỌNG TẤN	155 m ²	262 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Tp.HCM
8	PHAN HUY ÍCH	160,9 m ²	68 Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Tp.HCM
9	VĨNH LỘC	214,05 m ²	Lô D12/I, Nguyễn Thị Tú, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Tp.HCM
10	ĐƯỜNG SỐ 41	173,6 m ²	46-48 Đường số 41, Phường Khánh Hội, Tp.HCM
11	PHAN ĐĂNG LƯU	258 m ²	163 Phan Đăng Lưu, Phường Cầu Kiệu, Tp.HCM
12	LÊ VĂN THỌ	133 m ²	492 Lê Văn Thọ, Phường An Hội Đông, Tp.HCM

13	LÊ THỊ RIÊNG	127 m ²	2-4-6 Lê Thị Riêng, Phường Bến Thành, Tp.HCM
14	PHẠM THẾ HIỂN 1	150 m ²	803-805 Phạm Thế Hiển, Phường Chánh Hưng, Tp.HCM
15	THẠCH LAM	166,9 m ²	119 Thạch Lam, Phường Phú Thạnh, Tp.HCM
16	VÕ VĂN TÂN	93.8 m ²	455 Võ Văn Tân, Phường Bàn Cờ, Tp.HCM
17	THỐNG NHẤT	237 m ²	551 Thống Nhất, Phường An Hội Đông, Tp.HCM
18	CÂY DA SÀ	282 m ²	320A Tinh Lộ 10, Phường Bình Trị Đông, Tp.HCM
19	NƠ TRANG LONG 2	175 m ²	462 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Tp.HCM
20	ĐƯỜNG SỐ 17	80 m ²	6-8 Đường Số 17, Phường Tân Hưng, Tp.HCM
21	HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG	150 m ²	177 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM
22	LÊ VĂN KHƯƠNG	214,9 m ²	304A-304B Lê Văn Khương, Phường Thới An, Tp.HCM
23	LÊ VĂN LƯƠNG	137,2 m ²	353 Lê Văn Lương, Phường Tân Hưng, Tp.HCM
24	DẠ NAM	160 m ²	52 Dạ Nam, Phường Chánh Hưng, Tp.HCM
25	CHÂU VĂN LIÊM	573 m ²	20-22 Châu Văn Liêm, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM
26	NGỌC LAN	458,5 m ²	Khu Thương Mại A2.1 (Tầng 1), chung cư Ngọc Lan, số 35 đường Phú Thuận, Phường Phú Thuận, Tp.HCM
27	LÊ THÁNH TÔN	176 m ²	204-206 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Tp.HCM
28	HOA SEN	178.2 m ²	Khu dịch vụ công cộng, tầng trệt (tầng 1), chung cư Hoa Sen, 262/20 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Tp.HCM
29	TÂN HÒA ĐÔNG	279 m ²	243 Tân Hòa Đông, Phường Phú Lâm, Tp.HCM
30	PHAN CHU TRINH	204,2 m ²	49-51 Phan Chu Trinh, Phường Bình Thạnh, Tp.HCM
31	CỦ CHI	144 m ²	328 Hương Lộ 2, Xã Cù Chi, Tp.HCM
32	NGUYỄN VĂN CÔNG	138,7 m ²	512 Nguyễn Văn Công, Phường Hạnh Thông, Tp.HCM
33	NGUYỄN VĂN QUÁ	173.2 m ²	1/64 Nguyễn Văn Quá, Phường Đông Hưng Thuận, Tp.HCM
34	NGUYỄN DUY TRINH	170,7 m ²	187 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng, Tp.HCM
35	ĐƯỜNG SỐ 1	180 m ²	101A-103 Đường Số 1, Phường Bình Trị Đông, Tp.HCM
36	LÊ VĂN LINH	205,6 m ²	48-50 Lê Văn Linh, Phường Xóm Chiếu, Tp.HCM
37	VƯỜN LÀI	511,3 m ²	141 Vườn Lài, Phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM

38	UNG VĂN KHIÊM	175,9 m ²	184 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM
39	HỒ VĂN TƯ	160 m ²	60 Hồ Văn Tư, Phường Thủ Đức, Tp.HCM
40	LÝ THƯỜNG KIẾT	128 m ²	11/3 Lý Thường Kiệt, Xã Hóc Môn, Tp.HCM
41	PHAN ĐÌNH PHÙNG	87 m ²	240 Phan Đình Phùng, Phường Cầu Kiệu, Tp.HCM
42	PHẠM THẾ HIỂN 2	231 m ²	1438F Phạm Thế Hiển, Phường Bình Đông, Tp.HCM
43	TÔ KÝ	212 m ²	652A Tô Ký, Phường Trung Mỹ Tây, Tp.HCM
44	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	140 m ²	312 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Tp.HCM
45	CỦ CHI 2	180 m ²	199A Tinh Lộ 8, Xã Tân An Hội, Tp.HCM
46	PHAN VĂN KHỎE	217 m ²	30A Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM
47	ĐÌNH TIÊN HOÀNG	103 m ²	177 Đình Tiên Hoàng, Phường Tân Định, Tp.HCM
48	PHÚ MỸ HƯNG	148,12 m ²	Số 1, Đường Số 10 (C15B), Khu phố Starhill, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Mỹ, Tp.HCM
49	CỦ CHI 3	249 m ²	67 Tinh Lộ 8, Xã Phú Hòa Đông, Tp.HCM
50	THÁP MƯỜI	204 m ²	146 Tháp Mười, Phường Bình Tây, Tp.HCM
51	DÂN CHỦ	174,5 m ²	29 Dân Chủ, Phường Thủ Đức, Tp.HCM
52	NGUYỄN DUY TRINH 2	140,1 m ²	975 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng, Tp.HCM, Việt Nam
53	NGUYỄN VĂN ĐẬU	102,8 m ²	46B Nguyễn Văn Đậu, Phường Gia Định, Tp.HCM
54	ĐIỆN BIÊN PHỦ	216 m ²	635A Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, Tp.HCM
55	CỦ CHI 4	420 m ²	Lô TT1 - 1, Đường D4, KCN Đông Nam, Xã Bình Mỹ, Tp.HCM
56	GÒ XOÀI	109,1 m ²	148B Gò Xoài, Phường Bình Hưng Hòa, Tp.HCM
57	TÂN HƯƠNG	212,6 m ²	121-121A Tân Hương, Phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
58	AN DƯƠNG VƯƠNG	202 m ²	404 An Dương Vương, Phường Bình Phú, Tp.HCM
59	HOÀNG HOA THÁM	103,1 m ²	203A Hoàng Hoa Thám, Phường Bình Lợi Trung, Tp.HCM
60	TÂY HÒA	201,5 m ²	43 Tây Hòa, Phường Phước Long, Tp.HCM
61	NGUYỄN VĂN QUÁ 2	137,9 m ²	73/1 Nguyễn Văn Quá, Phường Đông Hưng Thuận, Tp.HCM
62	ĐÌNH ĐỨC THIỆN	261,6 m ²	180 Đình Đức Thiện, Xã Bình Chánh, Tp.HCM

63	NGUYỄN ẨM THỦ 2	346,8 m ²	31/7 Nguyễn ẨM Thủ, Xã Bà Đầm, Tp.HCM
64	HOÀNG BẬT ĐẠT	145,02 m ²	Số 3 Hoàng Bật Đạt, Phường Tân Sơn, Tp.HCM
65	LÊ VĨNH HÒA	123,8 m ²	78-80 Lê Vĩnh Hòa, Phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
66	PHẠM THỂ HIỂN 3	200 m ²	3437 Phạm Thế Hiển, Phường Bình Đông, Tp.HCM
67	PHẠM VĂN BẠCH	235 m ²	296 Phạm Văn Bạch, Phường Tân Sơn, Tp.HCM
68	ĐƯỜNG SỐ 1 QUẬN 7	177 m ²	44 Đường Số 1, Phường Tân Mỹ, Tp.HCM
69	LÊ VĂN QUỐI	266 m ²	36 Lê Văn Quối, Phường Bình Trị Đông, Tp.HCM
70	NGUYỄN VĂN ĐẬU 2	113 m ²	228 Nguyễn Văn Đậu, Phường Bình Lợi Trung, Tp.HCM
71	CƯ XÁ PHÚ LÂM D	160 m ²	28 Lô U, Cư xá Phú Lâm D, Phường Bình Phú, Tp.HCM
72	NGUYỄN THỊ ĐẶNG	120 m ²	1E/1 Nguyễn Thị Đặng, Phường Tân Thới Hiệp, Tp.HCM
73	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	173,9 m ²	80 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hạnh Thông, Tp.HCM
74	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	165,6 m ²	25 Nguyễn Xuân Khoát, Phường Tân Sơn Nhì, Tp.HCM
75	QUỐC LỘ 50 -1	333,7 m ²	1833 Văn Tiến Dũng, Xã Bình Hưng, Tp.HCM
76	NGUYỄN THỊ KIỀU	365,1 m ²	46-46A Nguyễn Thị Kiều, Phường Thới An, Tp.HCM
77	LÊ THỊ HÀ	532,5 m ²	143 Lê Thị Hà, Xã Hóc Môn, Tp.HCM
78	CỦ CHI 5	205 m ²	75A Nguyễn Văn Khạ, Xã Tân An Hội, Tp.HCM
79	TRẦN THỊ CỜ	185,5 m ²	247 Trần Thị Cờ, Phường Thới An, Tp.HCM
80	TRẦN VĂN MƯỜI	201 m ²	26/13C Trần Văn Mười, Xã Xuân Thới Sơn, Tp.HCM
81	THÍCH QUẢNG ĐỨC	163 m ²	140 - 142 Thích Quảng Đức, Phường Đức Nhuận, Tp.HCM
82	CỦ CHI 8	200 m ²	37 Nguyễn Văn Ni, Xã Tân An Hội, Tp.HCM
83	ĐÌNH PHONG PHÚ	154,3 m ²	204 Đình Phong Phú, Phường Tăng Nhơn Phú, TP.HCM
84	NGUYỄN THỊ KIỀU	294,7 m ²	60F/17 Nguyễn Thị Kiều, Phường Tân Thới Hiệp, Tp.HCM
85	ĐƯỜNG 5C	150,4 m ²	173 Đường 5C, Phường Bình Tân, Tp.HCM
86	TRẦN NHÂN TÔN	265,7 m ²	159 Trần Nhân Tôn, Phường Vườn Lài, Tp.HCM
87	PHAN VĂN TRỊ	95,43 m ²	1333 Phan Văn Trị, Phường Gò Vấp, Tp.HCM
88	CỦ CHI 9	251 m ²	728 Tỉnh Lộ 8, Xã Củ Chi, Tp.HCM

89	CỦ CHI 10	172 m ²	68 Liêu Bình Hương, Xã Củ Chi, Tp.HCM
90	ĐƯỜNG SỐ 2	184,2 m ²	118A Đường Số 2, Phường Thủ Đức, Tp.HCM
91	BÙI CÔNG TRÙNG	198 m ²	25 Bùi Công Trùng, Phường Thới An, Tp.HCM
92	LÂM VĂN BỀN	160 m ²	86 Lâm Văn Bền, Phường Tân Hưng, Tp.HCM
93	AN DƯƠNG VƯƠNG 2	195 m ²	Khu thương mại, Tầng trệt (tầng 1), chung cư Avila, 114 An Dương Vương, Phường Phú Định, Tp.HCM
94	DƯƠNG CÔNG KHI	110 m ²	8 Dương Công Khi, Xã Xuân Thới Sơn, Tp.HCM
95	LẠC LONG QUÂN 3	237,6 m ²	306 Lạc Long Quân, Phường Hòa Bình, Tp.HCM
96	NGUYỄN DUY TRINH 3	149,2 m ²	1403 Nguyễn Duy Trinh, Phường Long Phước, Tp.HCM
97	NGUYỄN THỊ ĐỊNH 2	174,76 m ²	3/1 Nguyễn Thị Định, Phường Bình Trưng, Tp.HCM
98	CỦ CHI 11	280 m ²	1614A, Tinh Lộ 8, Xã Bình Mỹ, Tp.HCM
99	CỦ CHI 12	325 m ²	555 Tinh Lộ 7, Tổ 4, Ấp Mỹ Khánh B, Xã Thái Mỹ, Tp.HCM
100	BÀU CÁT 8	144 m ²	44 - 46 Bàu Cát 8, Phường.Bảy Hiền, TP.HCM
101	ĐƯỜNG SỐ 6	207,8 m ²	11 Đường số 6, Phường Linh Xuân, TP.HCM
102	BÌNH LỢI	23,5 m ² (Diện tích thực 158 m ²)	2B Bình Lợi, Phường Bình Lợi Trung, Tp.HCM
103	VÕ VĂN VÂN	291,2 m ²	C9/3A, Võ Văn Vân, Xã Tân Vĩnh Lộc, Tp.HCM
104	QUỐC LỘ 50 -2	221,2 m ²	2452, đường Văn Tiên Dũng, Xã Hưng Long, Tp.HCM
105	TRẦN MAI NINH	124,08 m ²	108/2 Trần Mai Ninh, Phường Bảy Hiền, Tp.HCM
106	LÊ THỊ HOA	264 m ²	244 Lê Thị Hoa, Phường Tam Bình, TP.HCM
107	HƯƠNG LỘ 2 -2	205 m ²	730A Hương Lộ 2, Phường Bình Trị Đông, Tp.HCM
108	HÀ HUY GIÁP 2	177,1 m ²	412B Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp.HCM
109	ẤP CHIẾN LƯỢC	155,7 m ²	249 Ấp Chiến Lược, Phường Bình Hưng Hòa, Tp.HCM
110	PHẠM THẾ HIỂN 4	148 m ²	1146 Phạm Thế Hiển, Phường Chánh Hưng, Tp.HCM
111	LÒ LU	165,4 m ²	88 Lò Lu, Phường Long Phước, Tp.HCM
112	HIỆP BÌNH	195,1 m ²	187 Hiệp Bình, Phường Hiệp Bình, TP.HCM

113	LÊ VĂN LƯƠNG 2	90 m ²	1131A - 1131B Lê Văn Lương, Xã Nhà Bè, Tp.HCM
114	LÊ VĂN LƯƠNG 3	185 m ²	1560/2 Lê Văn Lương, Xã Hiệp Phước, Tp.HCM
115	NGUYỄN THỊ BÚP	301 m ²	281 Nguyễn Thị Búp, Phường Trung Mỹ Tây, Tp.HCM
116	TÙNG THIÊN VƯƠNG	141,28 m ²	454 Tùng Thiên Vương, Phường Phú Định, Tp.HCM
117	ĐÌNH PHONG PHÚ 2	190,2 m ²	115A Đình Phong Phú, Phường Tăng Nhơn Phú, TP.HCM
118	BÙI VĂN BA	236,41 m ²	157-157A Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, Tp.HCM
119	NGUYỄN VĂN BỬA	133,6 m ²	310 Nguyễn Văn Búa, Xã Xuân Thới Sơn, Tp.HCM
120	ĐÌNH ĐỨC THIÊN 2	351,4 m ²	476 Đình Đức Thiên, Xã Bình Chánh, Tp.HCM
121	ĐƯỜNG SỐ 1 QUẬN 8	100 m ²	05-07 Lô A Đường Số 1, Khu tái định cư Cảng Sông Phú Định, Phường Phú Định, Tp.HCM
122	THỐNG NHẤT 2	187,7 m ²	405/10 Thống Nhất, Phường Thông Tây Hội, Tp.HCM
123	HUỲNH TẤN PHÁT 2	307,2 m ²	464 Huỳnh Tấn Phát, Xã Nhà Bè, Tp.HCM
124	NGUYỄN DUY TRINH 4	118 m ²	793 Nguyễn Duy Trinh, Phường Long Trường, Tp.HCM
125	DƯƠNG ĐÌNH HỘI 2	200 m ²	182 Dương Đình Hội, Phường Phước Long, TP.HCM
126	NGUYỄN XIÊN	96,4 m ²	742 Nguyễn Xiển, Phường Long Bình, TP.HCM
127	TÌNH LỘ 43	176 m ²	740 Tình Lộ 43, Phường Tam Bình, Tp.HCM
128	TRỊNH THỊ MIẾNG	220,8 m ²	109/4E Trịnh Thị Miếng, Xã Đông Thạnh, Tp.HCM
129	ĐƯỜNG 8 - 2	138,1 m ²	23 Đường 8, Phường Linh Xuân, Tp.HCM
130	LÊ VĂN LƯƠNG 4	130 m ²	1234 - 2044 Lê Văn Lương, Xã Hiệp Phước, Tp.HCM
131	NGUYỄN VĂN TẠO 2	170 m ²	136/6A Nguyễn Văn Tạo, Xã Hiệp Phước, Tp.HCM
132	THẠNH LỘC 27	175 m ²	66 Thạnh Lộc 27, Phường An Phú Đông, Tp.HCM
133	CỦ CHI 13	171 m ²	01 Lê Minh Nhựt, Xã Củ Chi, Tp.HCM
134	NGUYỄN THỊ KIỀU 2	207 m ²	32 Nguyễn Thị Kiều, Phường Tân Thới Hiệp, Tp.HCM
135	QUỐC LỘ 50 - 4	217,2 m ²	910 Văn Tiến Dũng, Xã Bình Hưng, Tp.HCM
136	ĐÔNG HƯNG THUẬN 02	146 m ²	124 Đông Hưng Thuận 02, Phường Đông Hưng Thuận, Tp.HCM
137	VĨNH LỘC 2	424,9 m ²	A1/17 Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Tp.HCM

138	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH 2	262,4 m ²	195/9 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Gia Định, Tp.HCM
139	PHAN VĂN TRỊ 2	155,3 m ²	367A Phan Văn Trị, Phường Bình Lợi Trung, Tp.HCM
140	NGUYỄN HỒNG	127 m ²	47 Nguyễn Hồng, Phường Bình Lợi Trung, Tp.HCM
141	TRẦN NẢO	475 m ²	260 Trần Nảo, Phường An Khánh, TP.HCM
142	HOÀNG NGỌC PHÁCH	104.52 m ²	34C Hoàng Ngọc Phách, Phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
143	803 TỈNH LỘ 7	160 m ²	803 Tỉnh Lộ 7, Xã Thái Mỹ, Tp.HCM
144	AN BÌNH	280 m ²	24 An Bình, Phường Dĩ An, Tp.HCM
145	BECAMEX	189 m ²	K3.1.03 tại tầng trệt của khối nhà K3, thuộc Nhà ở An sinh Xã hội Becamex - Khu 3 Việt - Sing, thuộc phường An Phú, Tp.HCM
146	KHO THÀNH THÁI	1208,7 m ²	7A/1 Thành Thái, Phường Diên Hồng, Tp.HCM

3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1 Yêu cầu chung:

Tần suất kiểm tra định kỳ: 1 lần/tuần hoặc khi có phát sinh.

Nhà thầu cung cấp cam kết bồi thường 100% giá trị hàng hóa bị thiệt hại do chuột và côn trùng gây ra trong thời gian thực hiện chương trình tiêu diệt, kiểm soát chuột và côn trùng.

Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ đảm bảo tất cả các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan đạt chất lượng.

Trước khi báo giá Nhà thầu phải xem xét, tham quan các hạng mục công trình và phải tìm hiểu các khu vực thực hiện cung cấp dịch vụ. Chủ đầu tư không giải quyết những khiếu nại của nhà thầu do thiếu tìm hiểu trước hoặc không tuân theo điều kiện này.

Nhà thầu phải huy động đầy đủ số lượng phương tiện và nhân lực có tay nghề để thực hiện công việc đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ.

Đội ngũ nhân viên thực hiện gói thầu này phải có khả năng và kinh nghiệm đối với công việc được giao. Tất cả nhân viên của nhà thầu phải được trang bị bảo hộ lao động phục vụ cho công việc và tuân thủ các chỉ dẫn của người giám sát bên phía Chủ đầu tư.

Tất cả các loại vật tư, thiết bị và các loại thuốc sử dụng trong quá trình thực hiện chuột và côn trùng phải được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam; và đảm bảo không gây hại cho con người, thiết bị và môi trường xung quanh.

Các chai, lọ đựng hóa chất, bẫy,...sử dụng cho gói thầu sau mỗi đợt thực hiện phải được thu hồi và được Giám sát của Chủ đầu tư xác nhận; sau đó Nhà thầu phải có biện pháp xử lý phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân thủ quy định về an toàn cũng như không được phép vào các khu vực khi chưa có sự cho phép của Chủ đầu tư.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Chủ đầu tư, Nhà nước cùng toàn bộ các phí tổn về việc để xảy ra tai nạn trong công trường và vi phạm Luật bảo vệ môi trường.

Trong quá trình cung cấp dịch vụ, nhà thầu có trách nhiệm tuân thủ theo quy trình, quy định có liên quan cũng như nội quy, quy chế làm việc của Chủ đầu tư.

3.2 Yêu cầu cụ thể:

a. Đối với công tác diệt chuột: Nhà thầu đề xuất giải pháp kỹ thuật để diệt trừ chuột hiện có và đề phòng chuột phát sinh, tối thiểu như sau:

- Sử dụng thuốc (bả) diệt Chuột đặt trong hộp hoặc đặt các loại bẫy dính không mồi ở các góc khuất, kín, tối tại các khu vực nghi có dấu hiệu của chuột. Sau khi đặt thuốc (bả) hoặc bẫy dính thì tiến hành kiểm tra các khu vực đã đặt hộp thuốc (bả).

- Sau khi đặt thuốc hoặc đặt bẫy dính diệt chuột phải thường xuyên kiểm tra để nhanh chóng phát hiện chuột chết và phải tiến hành dọn vệ sinh, tiêu hủy xác chuột ngay, và tiến hành các biện pháp khử mùi, khử trùng, diệt khuẩn.

b. Đối với công tác diệt côn trùng: Nhà thầu đề xuất giải pháp kỹ thuật phun thuốc diệt côn trùng, tối thiểu như sau:

- Thiết bị, máy móc sử dụng, cách sử dụng các loại thiết bị, máy móc đó.

- Cách thức sử dụng, pha chế các hóa chất, biện pháp bảo hộ lao động cho người thực hiện, khuyến cáo an toàn cho người làm việc tại các khu vực đó.

- Khi thực hiện phải có biển cảnh báo cho mọi người xung quanh.

3.3 Yêu cầu về đầu ra của dịch vụ: Côn trùng gây hại và chuột không còn tại các địa điểm đã xử lý, phun thuốc, đặt bẫy.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]
Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]
Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA DỊCH VỤ

1	2	3	4	5	6	7
STT	Đối tượng	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Thời gian thực hiện	Đơn giá/Địa điểm, Kho/Tháng (VNĐ) (+VAT)	Thành tiền (Cột 4x5x6) (+VAT)
1	Thuê dịch vụ diệt chuột và côn trùng tại hệ thống cửa hàng Satrafoods năm 2026	Địa điểm	146 (Bao gồm 145 cửa hàng và 01 kho)	12 tháng		M1
Tổng cộng giá chào của dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>						M=M1

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (5), (6) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03a(2). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Bên mời thầu ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.⁽²⁾

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh

² Đối với gói thầu xây lắp thì thay bằng " Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo ".

toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng⁽³⁾.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...*].
 - b) Thời hạn thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật*].
 - c) Số lần thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

Điều 6. Loại hợp đồng: trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với nội dung nêu trong bản yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ

³ Đối với gói thầu xây lắp thì thay thế như sau: Bên B cam kết tiến hành công việc xây lắp theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong bản yêu cầu báo giá, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu*].

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam*].

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ % giá hợp đồng [*Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 2%-3% giá hợp đồng*].

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này*].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: _____ [*Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu*].

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực

hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

[Áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa từ Điều 11 đến Điều 14]

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong bản yêu cầu báo giá, cụ thể là: *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo]*.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: *[Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm, thời gian giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu]*.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: *[Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm]*. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: _____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật].*

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: _____ *[Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...].*

[Áp dụng đối với gói thầu xây lắp từ Điều 11 đến Điều 14]

Điều 11. Tư vấn giám sát

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu

Điều 12. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 13. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Nhà thầu bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình như đã nêu trong HSDX.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công

trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, nhà thầu phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà chủ đầu tư đã thông báo.

Nếu nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Điều 14. Nghiệm thu, hoàn công

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ [Ghi cụ thể thời gian] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ [Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư/bên mời thầu giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.